Dưới đây Đọc Tài Liệu chia sẻ đến các em [đề thi thử THPT Quốc gia 2020](https://doctailieu.com/de-thi-thu-thpt) môn Sinh của trường Hàn Thuyên tỉnh Bắc Ninh. Qua tài liệu này, hy vọng các em có thể nắm vững kiến thức để có chuẩn bị tốt cho kì thi THPT Quốc gia năm 2020.

**Đề thi thử**

Câu 1: Nhận xét nào đúng về các cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử?

(1) Trong quá trình phiên mã tổng hợp ARN, mạch khuôn ADN được phiên mã là mạch có chiều 3’-5’.

(2) Trong quá trình phiên mã tổng hợp ARN, mạch ARN được kéo dài theo chiều 5’->3’.

(3) Trong quá trình nhân đôi ADN, mạch mới tổng hợp trên mạch khuôn ADN chiều 3’->5’ là liên tục còn mạch mới tổng hợp trên mạch khuôn ADN chiều 5’->3’ là không liên tục( gián đoạn).

(4) Trong quá trình dịch mã tổng hợp prôtêin, phân tử mARN được dịch mã theo chiều 3’->5’.

A. 1,3,4.                 B. 2,3,4.                C. 1,2,3.                    D. 1,2,4.

Câu 2: Cho biết các cặp gen nằm trên các cặp nhiễm sắc thể khác nhau. Theo lí thuyết, phép lai:  AaBbDD × aaBbDd thu được ở đời con có số cá thể mang kiểu gen dị hợp về một cặp gen chiếm tỉ lệ

A. 12,5%.                B. 50%.                 C. 37,5%.                D. 87,5%.

Câu 3: Một cá thể ở một loài động vật có bộ NST 2n = 16. Khi quan sát quá trình giảm phân của 1000 tế bào sinh tinh, người ta thấy có 50 tế bào có cặp NST số 3 không phân li trong giảm phân I, các sự kiện khác trong giảm phân diễn ra bình thường. Các tế bào còn lại đều giảm phân bình thường. Theo lí thuyết trong tổng số giao tử tạo ra, giao tử có 9 NST chiếm tỷ lệ

A. 2%.                B. 5%.                 C. 0,5%.                 D. 2,5%.

Câu 4: Cho biết alen A quy định thân cao là trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp. Kiểu gen BB quy định quả tròn là trội không hoàn toàn so với kiểu gen bb quy định quả dài nên xuất hiện tính trạng trung gian là bầu dục được quy định bởi kiểu gen Bb. Alen D quy định lá chẻ là trội hoàn toàn so với alend quy định lá nguyên. (cho biết các gen phân li độc lập). Cho F1 dị hợp tử ba cặp gen nói trên lai với kiểu gen chưa biết F2 thu tỉ lệ kiểu hình (6 : 6 : 3 : 3 : 3 : 3 : 2 : 2 : 1 : 1 : 1 : 1). Phép lai nào sau đây xuất hiện tỉ lệ kiểu hình nói trên?

A. AaBbDd x AabbDd                B. AaBbDd x AaBbDd

C. AaBbDd x AABbDd                D. AaBbDd x AaBbdd

Câu 5: Ở cà chua, gen A qui định quả đỏ trội hoàn toàn so với gen a qui định quả vàng. Cây tứ bội giảm phân cho giao tử 2n có khả năng thụ tinh bình thường. Xét các tổ hợp lai:

1. Aaaa x AAaa                2.Aaaa x Aaaa                3. Aaaa x aaaa

4. AAaa x Aaaa                5. AAAa x AAaa                6. AAAa x AAAa

Theo lí thuyết phép lai cho đời con có 3 loại kiểu gen là

A. 4,5,6.                B. 1,2,4,6.                C. 2, 3, 6.                D. 1, 3,5,6.

Câu 6: Cho biết trong quá trình giảm phân của cơ thể đực có một số tế bào có cặp NST mang cặp gen Dd không phân li ở lần phân bào II, các tế bào khác giảm phân bình thường và cơ thể cái giảm phân bình thường. Ở đời con của phép lai ♂AaBbDd x ♀AabbDd, sẽ có tối đa bao loại nhiêu kiểu gen khác nhau?

A. 108.                B. 60.                C. 54.                 D. 90.

Câu 7: Các phát biểu nào sau đây đúng với đột biến đảo đoạn nhiễm sắc thể?

(1) Làm thay đổi trình tự phân bố gen trên nhiễm sắc thể.

(2) Làm giảm hoặc tăng số lượng gen trên nhiễm sắc thể.

(3) Làm thay đổi thành phần gen trong nhóm gen liên kết.

(4) Có thể làm giảm khả năng sinh sản của thể đột biến.

A. (1), (2).                B. (1), (4).                C. (2), (3).                D. ( 2), (4).

Câu 8: Ở một loài động vật giao phối, xét phép lai ♂AaBb × ♀AaBb. Giả sử trong quá trình giảm phân của cơ thể đực, ở một số tế bào, cặp nhiễm sắc thể mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I, các sự kiện khác diễn ra bình thường; cơ thể cái giảm phân bình thường. Theo lí thuyết, sự kết hợp ngẫu nhiên giữa các loại giao tử đực và cái trong thụ tinh có thể tạo ra tối đa bao nhiêu loại hợp tử lưỡng bội và bao nhiêu loại hợp tử lệch bội?

A. 9 và 6.                 B. 4 và 12.                C. 9 và 12.                D. 12 và 4.

Câu 9: Ở một loài bọ cánh cứng: A mắt dẹt, trội hoàn toàn so với a: mắt lồi. B: mắt xám, trội hoàn toàn so với b: mắt trắng. Biết gen nằm trên nhiễm sắc thể thường và thể mắt dẹt đồng hợp bị chết ngay sau khi được sinh ra. Trong phép lai AaBb x AaBb, người ta thu được 780 cá thể con sống sót. Số cá thể con có mắt lồi, màu trắng là

A. 195.                B. 130.                C. 65.                 D. 260.

Câu 10: Sự tổ hợp của 2 giao tử đột biến (n- 1- 1) và (n- 1) trong thụ tinh sẽ sinh ra hợp tử có bộ NST là

A. ( (2n- 3) và (2n- 1- 1- 1).

B. 2n- 2- 1) hoặc (2n- 1- 1- 1).

C. (2n- 2- 1) và (2n- 1- 1- 1).

D. (2n- 3) hoặc (2n- 1- 1- 1) hoặc (2n- 2- 1).

Câu 11: Ở người, bệnh bạch tạng do gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định. Một cặp vợ chồng có da bình thường nhưng có em trai chồng và anh của vợ bị bạch tạng, những người khác trong gia đình đều bình thường. Xác suất để cặp vợ chồng này sinh đứa con trai bình thường là

A. 5/6.

B. 7/16.

C. 1/9.

D. 5/18.

Câu 12: Hiện tượng trong cơ thể lai khác loài số lượng NST tăng lên một số nguyên lần bộ NST đơn bội, gọi là hiện tượng gì?

A. Thể đa bội lệch.

B. Thể song nhị bội.

C. Thể đa nhiễm.

D. Thể dị đa bội.

Câu 13: Cho các thành phần:

(1) mARN của gen cấu trúc; (2) Các loại nuclêôtit A, U, G, X

(3) ARN pôlimeraza (4) ADN ligaza (5) ADN pôlimeraza

Các thành phần tham gia vào quá trình phiên mã các gen cấu trúc của opêron Lac ở E.coli là

A. (3) và (5).

B. (1), (2) và (3).

C. (2) và (3).

D. (2), (3) và (4).

Câu 14: Khi tia tử ngoại tác động vào ADN, thì trên một mạch đơn của ADN có hiện tượng

A. hai bazơ timin đứng liền nhau liên kết với nhau.

B. hai bazơ guanin đứng liền nhau gây hiện tượng hỗ biến và liên kết với nhau.

C. hai bazơ xitôzin đứng liền nhau gây hiện tượng hỗ biến và liên kết với nhau.

D. hai bazơ ađênin đứng liền nhau gây hiện tượng hỗ biến và liên kết với nhau.

Câu 15: Cho hai cây cùng loài giao phấn với nhau thu được các hợp tử. Một trong các hợp tử đó nguyên phân bình thường liên tiếp 4 lần đã tạo ra các tế bào con có tổng số 384 nhiễm sắc thể ở trạng thái chưa nhân đôi. Cho biết quá trình giảm phân của cây dùng làm bố không xảy ra đột biến và không có trao đổi chéo đã tạo ra tối đa 256 loại giao tử. Số lượng nhiễm sắc thể có trong một tế bào con được tạo ra trong quá trình nguyên phân này là

A. 2n = 26.

B. 3n = 24.

C. 2n = 16.

D. 3n = 36.

Câu 16: Ở một loài thực vật có 2n = 12. Một thể đột biến dạng thể ba nhiễm kép xẩy ra ở cặp số 2 và cặp số 4, trong trường hợp tế bào giảm phân bình thường. Tính theo lý thuyết số giao tử có 7 NST chiếm tỷ lệ là

A. 50%.

B. 25%.

C. 12,5%.

D. 75%.

Câu 17: Ở một loài thực vật, bộ nhiễm sắc thể 2n = 20. Có thể dự đoán số lượng nhiễm sắc thể đơn trong một tế bào của thể ba đang ở kì sau của quá trình nguyên phân là

A. 37

B. 20.

C. 42.

D. 38.

Câu 18: Cho các bệnh, tật và hội chứng di truyền sau đây ở Người:

 1. Bệnh bạch tạng. 2. Tật có túm lông ở tai. 3. Bệnh ung thư máu.

 4. Hội chứng Đao. 5. Hội chứng claiphentơ. 6. Bệnh mù màu.

 Các bệnh, tật và hội chứng di truyền có thể gặp ở nữ giới là

A. 1, 3, 5, 6.

B. 1, 3, 4 ,6.

C. 1, 2, 3, 5.

D. 2, 3, 4, 6.

Câu 19: Cho các phép lai giữa các cây tứ bội sau đây:

(1) AAaaBBbb × AAAABBBb (2) AaaaBBBB × AaaaBBbb (3) AaaaBBbb × AAAaBbbb

(4) AAAaBbbb × AAAABBBb (5) AAAaBBbb × Aaaabbbb (6) AAaaBBbb × AAaabbbb

Biết rằng các cây tứ bội giảm phân chỉ cho các loại giao tử lưỡng bội có khả năng thụ tinh bình thường. Theo lí thuyết, trong các phép lai trên, những phép lai cho đời con có kiểu gen phân li theo tỉ lệ

8:4:4:2:2:1:1:1:1 là

A. (2) và (5).

B. (2) và (4).

C. (1) và (5).

D. (3) và (6).

Câu 20: Ở một loài thực vật, alen A nằm trên NST thường quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Cây hoa đỏ thuần chủng giao phấn với cây hoa trắng được F1, các cây F1 tự thụ phấn được F2. Cho rằng khi sống trong một môi trường thì mỗi kiểu gen chỉ quy định một kiểu hình. Theo lý thuyết, sự biểu hiện của tính trạng màu hoa ở thế hệ F2 sẽ là

A. có cây ra 2 loại hoa, có cây chỉ ra một loại hoa, trong đó hoa đỏ chiếm 75%.

B. có cây ra 2 loại hoa, có cây chỉ ra một loại hoa, trong đó cây có hoa đỏ chiếm 75%.

C. trên mỗi cây có cả hoa đỏ và hoa trắng, trong đó hoa đỏ chiếm 75%.

D. trên mỗi cây chỉ có một loại hoa, trong đó cây hoa đỏ chiếm 75%.

Câu 21: Ở một loài thực vật, cho biết tính trạng do một gen quy định và trội hoàn toàn. Từ một giống cũ có kiểu gen Aa người ta tiến hành tạo ra giống mới thuần chủng có kiểu gen AA. Nếu chỉ bằng phương pháp tự thụ phấn và chọn lọc thì đến thế hệ F3, tỷ lệ cá thể thuần chủng AA của giống là bao nhiêu?

A. 8/27.

B. 1/16.

C. 19/27.

D. 7/16.

Câu 22: Theo F. Jacôp và J. Mônô, trong mô hình cấu trúc của opêron Lac, vùng vận hành (operator) là

A. nơi mà ARN pôlimeraza bám vào và khởi động phiên mã tổng hợp mARN.

B. vùng mang thông tin mã hóa cấu trúc prôtêin ức chế quá trình phiên mã.

C. trình tự nuclêôtit đặc biệt, tại đó prôtêin ức chế có thể liên kết ngăn cản sự phiên mã.

D. trình tự nuclêôtit đặc biệt, tại đó prôtêin ức chế có thể liên kết ngăn cản sự dịch mã.

Câu 23: Ở sinh vật nhân sơ. Khi nghiên cứu một gen thấy mạch 1 của gen có số nucleotit Ađênin = 100; Timim = 200. Mạch 2 của gen có số nucleotit Guanin = 400; Xitôzin = 500. Biết mạch 2 của gen là mạch mã gốc. Gen phiên mã tổng hợp một phân tử mARN có mã kết thúc là UGA, sau đó tiến hành dịch mã tổng hợp 1 chuổi polypeptit .Số nucleotit mỗi loại trong các bộ ba đối mã của ARN vận chuyển tham gia dịch mã là:

A. A= 99; U = 199; G = 399; X = 500

B. A= 199; U = 99; X = 400; G = 499

C. A= 99; U = 199; G = 500; X = 399

D. A= 199; U = 99; G = 400; X = 499

Câu 24: Trong quá trình nhân đôi ADN ở vi khuẩn E.coli, xét trên toàn bộ phân tử ADN

A. Mạch mã gốc được tổng hợp liên tục, mạch bổ xung được tổng hợp gián đoạn.

B. Hai mạch mới được tổng hợp gián đoạn.

C. Theo chiều tháo xoắn, mạch 3’ → 5’ được tổng hợp liên tục, mạch 5’ → 3’ được tổng hợp gián đoạn.

D. Hai mạch mới được tổng hợp liên tục.

Câu 25: Mẹ có kiểu gen XB X bố có kiểu gen Xb Y, kiểu gen của con gái là XB X. Cho biết trong quá trình giảm phân của bố và mẹ không xảy ra đột biến gen và đột biến cấu trúc NST. Kết luận nào sau đây về quá trình giảm phân của bố và mẹ là đúng?

A. Trong giảm phân II ở bố, NST giới tính không phân li. Ở mẹ giảm phân bình thường.

B. Trong giảm phân I ở bố, NST giới tính không phân li. Ở mẹ giảm phân bình thường.

C. Trong giảm phân II ở mẹ, NST giới tính không phân li. Ở bố giảm phân bình thường.

D. Trong giảm phân I ở mẹ, NST giới tính không phân li. Ở bố giảm phân bình thường.

Câu 26: Khi nói về đột biến lệch bội, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Đột biến lệch bội có thể phát sinh trong nguyên phân hoặc trong giảm phân.

B. Đột biến lệch bội chỉ xảy ra ở nhiễm sắc thể thường, không xảy ra ở nhiễm sắc thể giới tính.

C. Đột biến lệch bội làm thay đổi số lượng ở một hoặc một số cặp nhiễm sắc th ể.

D. ĐB lệch bội xảy ra do rối loạn phân bào làm cho một hoặc một số cặp nhiễm sắc thể không phân li.

Câu 27: Trong trường hợp mỗi cặp tính trạng do một cặp gen qui định, các gen trội hoàn toàn.

Phép lai: AaBbDd x AabbDd cho thế hệ con có

A. 12 loại kiểu gen, 8 loại kiểu hình.

B. 12 loại kiểu gen, 4 loại kiểu hình.

C. 18 loại kiểu gen, 6 loại kiểu hình.

D. 18 loại kiểu gen, 8 loại kiểu hình.

Câu 28: Đột biến làm giảm số lượng gen trên NST, làm mất cân bằng gen nên thường gây chết đối với

thể đột biến. Dạng đột biến này được ứng dụng

A. để loại khỏi NST những gen không mong muốn ở một số giống cây trồng.

B. trong công nghiệp sản xuất bia ( làm tăng hoạt tính của enzim amilaza).

C. để tạo ra các dòng côn trùng giảm khả năng sinh sản được sử dụng làm công cụ phòng trừ sâu bệnh.

D. trong nông nghiệp tạo ra cây trồng không hạt.

Câu 29: Ở đậu Hà lan, gen A qui định cây cao trội hoàn toàn so với gen a qui định cây thấp. Cho các cây cao thuần chủng lai với cây thấp được F1 toàn cây cao. Cho cây F1 tự thụ phấn thu được F2 gồm 900 cây cao, 301 cây thấp. Trong các cây cao ở F2 chọn ngẫu nhiên 1 cây. Xác suất để cây mang kiểu gen đồng hợp là

A. 4/9.

B. 1/3.

C. 1/4.

D. 8/27.

Câu 30: Mức độ có lợi hay có hại của gen đột biến phụ thuộc vào

A. số lượng cá thể trong quần thể.

B. tần số phát sinh đột biến.

C. tỉ lệ đực, cái trong quần thể.

D. môi trường sống và tổ hợp gen.

Câu 31: Nuôi cấy hạt phấn của cây có kiểu gen AaBbddEe thành các dòng đơn bội, sau đó lưỡng bội hóa thành các dòng lưỡng bội thuần chủng. Số dòng thuần chủng được tạo ra là

A. 4.

B. 8.

C. 16.

D. 6.

Câu 32: Phép lai giữa 2 cây tứ bội: P AAaaBBbb x Aaaabbbb, Với các gen nằm trên các cặp NST tương đồng khác nhau, cây tứ bội giảm phân cho giao tử 2n có khả năng thụ tinh bình thường. Số loại kiểu gen ở F1 là

A. 12.

B. 16.

C. 20.

D. 9.

Câu 33: Một loài có bộ nhiễm sắc thể 2n = 24. Loài này sẽ có tối đa bao nhiêu loại đột biến thể một kép?

A. 14.

B. 26.

C. 276.

D. 66.

Câu 34: Trong điều kiện mỗi cặp gen quy định mỗi cặp tính trạng và trội lặn hoàn toàn. Ở đời con của phép lai AaBbDd x aaBbDD, loại cá thể mang 2? tính trạng trội và một tính trạng lặn là

A. 25%.

B. 50%.

C. 37,5%.

D. 43,75%.

Câu 35: Trong tổng hợp prôtêin, giai đoạn hoạt hoá axit amin, ATP có vai trò cung cấp năng lượng

A. để cắt bỏ axit amin mở đầu ra khỏi chuỗi pôlipeptit.

B. để các ribôxôm dịch chuyển trên mARN

C. để gắn bộ ba đối mã của tARN với bộ ba trên mARN

D. để axit amin được hoạt hoá và gắn với tARN

Câu 36: Ở ngô, giả sử hạt phấn (n + 1) không có khả năng thụ tinh; noãn (n + 1) thụ tinh bình thường.Gen R quy định hạt đỏ trội hoàn toàn so với gen r qui định hạt trắng. Bố, mẹ là đột biến dạng thể ba P: (♂) RRr x (♀) Rrr , tỉ lệ kiểu hình thu ở F1 là:

A. 5 đỏ : 1 trắng.

B. 3 đỏ : 1 trắng.

C. 11 đỏ : 1 trắng.

D. 35 đỏ : 1 trắng.

Câu 37: Phát biểu nào sau đây nói về đột biến gen ở loài sinh sản hữu tính là không đúng?

A. Chỉ các đột biến xuất hiện trong tế bào sinh tinh và sinh trứng mới được di truyền cho thế hệ sau

B. Các đột biến lặn gây chết có thể truyền cho thế hệ sau qua các cá thể có kiểu gen dị hợp tử.

C. Các đột biến có thể xảy ra ngẫu nhiên trong quá trình sao chép ADN.

D. Những đột biến làm tăng sự thích nghi, sức sống và sức sinh sản của sinh vật có xu hướng được chọn lọc tự nhiên giữ lại.

Câu 38: Ở một loài có bộ NST 2n = 24. Một thể đột biến mà cơ thể có một số tế bào có 23 NST, một số tế bào có 25 NST và các tế bào còn lại có 24 NST. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng này?

A. Quá trình nguyên phân ở một mô hoặc một cơ quan nào đó có một cặp NST không phân li.

B. Quá trình giảm phân hình thành giao tử ở cả bố và mẹ đều có một cặp NST không phân li.

C. Quá trình giảm phân tạo giao tử ở bố có một cặp NST không phân li còn mẹ giảm phân bình thường.

D. Trong quá trình nguyên phân đầu tiên của hợp tử có một cặp NST không phân li.

Câu 39: Trong quá trình tự nhân đôi của ADN có bao nhiêu loại nucleotit tham gia?

A. 16 loại.

B. 8 loại.

C. 1 loại.

D. 4 loại.

Câu 40: Trên mạch mang mã gốc của gen cấu trúc có trình tự nucleotit như sau:

5’ AGG-GGX-TTA-XAG-XAA-XTX-GGT-XAT-GXT-3’.

Một đột biến xảy ra không làm thay đổi chiều dài của gen nhưng chuỗi polipeptit được tổng hợp từ gen này chỉ còn 2 axit amin. Đây là dạng đột biến

A. thay cặp AT bằng cặp TA xảy ra ở bộ ba thứ 4.

B. thay cặp AT bằng cặp TA xảy ra ở bộ ba thứ 3.

C. thay cặp AT bằng cặp XG xảy ra ở bộ ba thứ 5.

D. thay cặp TA bằng cặp GX xảy ra ở bộ ba thứ 6.

Câu 41: Khi nói về số lần nhân đôi và số lần phiên mã của các gen ở một tế bào nhân thực, trong trường hợp không có đột biến, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Các gen nằm trên cùng một NST có số lần nhân đôi khác nhau và số lần phiên mã thường khác nhau.

B. Các gen trên các NST khác nhau có số lần nhân đôi bằng nhau và số lần phiên mã thường khác nhau.

C. Các gen nằm trong một tế bào có số lần nhân đôi bằng nhau và số lần phiên mã bằng nhau.

D. Các gen trên các NST khác nhau có số lần nhân đôi khác nhau và số lần phiên mã thường khác nhau.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây về đột biến lệch bội là không đúng?

A. Các đột biến lệch bội thể ba xảy ra ở các NST khác nhau đều biểu hiện kiểu hình giống nhau.

B. Ở loài lưỡng bội, đột biến lệch bội thể không có bộ NST gồm các cặp tương đồng.

C. Rối loạn phân li ở một hoặc một số cặp NST trong nguyên phân sẽ làm phát sinh đột biến lệch bội.

D. Ở người, thể đột biến gây hội chứng Đao và hội chứng Claiphentơ là đột biến lệch bội thể ba.

Câu 43: Cho các thông tin:

(1) Làm thay đổi hàm lượng ADN ở trong nhân tế bào. (3) Xảy ra ở cả động vật và thực vật.

(2) Không làm thay đổi thành phần, số lượng gen trên NST (4) Làm thay đổi chiều dài của phân tử ADN

(5) Làm xuất hiện các alen mới trong quần thể.

Trong 5 thông tin trên thì thông tin là đặc điểm chung của ĐB lệch bội dạng thể một và thể ba NST là

A. 1,3.

B. 1,3,5.

C. 2, 4,5.

D. 1,2,3 .

Câu 44: Trong thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Menđen, khi cho cây F1 lai với một cây chưa rõ kiểu gen, F2 có tỉ lệ kiểu hình 3 vàng trơn: 3 vàng nhăn: 1 xanh trơn: 1 xanh nhăn. Kiểu gen của cây F1 và cây khác là.

A. F1 : AaBb x cây khác Aabb hay aaBb

B. F1 : Aabb x cây khác Aabb hay aaBb

C. F1 : AaBb x cây khác Aabb

D. F1 : AaBB x cây khác Aabb

Câu 45: Một phân tử ADN mạch kép thẳng của sinh vật nhân sơ có chiều dài 4080 A0. Trên mạch 1 của gen có A1 = 260 nu, T1 = 220 nu. Gen này thực hiện tự sao một số lần sau khi kết thúc đã tạo ra tất cả 64 chuỗi polinucleotit. Số nu từng loại mà môi trường nội bào cung cấp cho quá trình tái bản của gen nói trên là:

A. A = T = 14880 ; G = X = 22320

B. A = T = 29760 ; G = X = 44640

C. A= T = 30240 ; G = X = 45360

D. A = T = 16380 ; G = X = 13860

Câu 46: Ở ngô, kiểu gen AA quy định màu xanh; Aa màu tím, aa màu trắng. Alen B quy định hạt trơn trội hoàn toàn so với alen b quy định hạt nhăn. Các cặp gen di truyền độc lập với nhau. Bố mẹ dị hợp về cả hai tính trạng giao phấn với nhau, tỉ lệ cây có hạt tím, trơn là:

A. 37,5 %

B. 18,75 %

C. 12,5%

D. 56,25%

Câu 47: Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về mã di truyền?

A. Trên phân tử mARN, bộ ba mở đầu AUG mã hóa axít amin mêtiônin ở sinh vật nhân thực.

B. Mã di truyền có tính phổ biến, chứng tỏ tất cả các loài sinh vật hiện nay được tiến hóa từ một tổ tiên

C. Mã di truyền có tính thoái hóa, tức là nhiều bộ ba khác nhau cũng mã hóa một loại axít amin.

D. Vì có 4 loại nuclêôtít khác nhau nên mã di truyền là mã bộ ba.

Câu 48: Với 4 loại nuclêôtit A, U, G, X. Số mã di truyền mã hoá các axit amin là

A. 18.

B. 61 .

C. 27.

D. 64 .

Câu 49: Khi nói về đột biến gen, các phát biểu nào sau đây đúng?

(1) Đột biến thay thế một cặp nucleotit luôn dẫn đến kết thúc sớm quá trình dịch mã.

(2) Đột biến gen tạo ra các alen mới làm phong phú vốn gen của quần thể.

(3) Đột biến điểm là dạng đột biến gen liên quan đến một số cặp nucleotit.

(4) Đột biến gen có thể có lợi, có hại hoặc trung tính đối với thể đột biến.

(5) Mức độ gây hại của alen đột biến phụ thuộc vào tổ hợp gen và điều kiện môi trường.

A. (3), (4), (5).

B. (2), (4), (5).

C. (1), (2), (3).

D. (1), (3), (5).

Câu 50: Trong trường hợp không xảy ra đột biến mới và trao đổi chéo, các cơ thể giảm phân tạo giao tử đều có khả năng thụ tinh. Theo lý thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có kiểu gen phân li theo tỉ lệ 1 : 2 : 1?

(1) Aa x Aa (2) AAaa x Aa (3) Aaa x Aa.

(4) AAAa x AAAa. (5) Aaaa x Aaaa. (6) AAa x Aaaa.

 Phương án đúng là

A. (1), (4), (5).

B. (1), (2), (6).

C. (2), (3), (5) .

D. (3), (4), (6).

Trên đây là bộ [đề thi thử THPT Quốc gia 2020 môn Sinh](https://doctailieu.com/de-thi-thu-thpt/mon-sinh-c12200) có đáp án Mã đề 224 của Trường THPT Yên Lạc 2 giúp các em ôn tập lại các kiến thức đã học và chuẩn bị cho kì kiểm tra THPT sắp tới.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. C | 2. C | 3. B | 4. D | 5. A | 6. A | 7. B | 8. C | 9. C | 10. B |
| 11. D | 12. D | 13. C | 14. A | 15. B | 16. A | 17. C | 18. B | 19. A | 20. D |
| 21. D | 22. C | 23. D | 24. C | 25. A | 26. B | 27. C | 28. A | 29. B | 30. D |
| 31. B | 32. C | 33. D | 34. B | 35. D | 36. A | 37. A | 38. A | 39. D | 40. C |
| 41. B | 42. A | 43. D | 44. C | 45. A | 46. D | 47. D | 48. B | 49. B | 50. A |